

Bản án số: 176/2026/HS-ST
Ngày 09/4/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông **Thịnh Quang Trung**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Kiều Xuân Mai**

2. Bà **Nguyễn Thị Mai**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Văn Công** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Lập Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 145/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 03 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 03 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2026/HSST-QĐ ngày 30 tháng 03 năm 2026, đối với:

1. Bị cáo họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh ngày 06/7/1987, tại Hà Nội; giới tính: nam; Số CCCD: 001087014641; Nơi cư trú: **thôn T, xã N, thành phố Hà Nội**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông **Nguyễn Văn P** và bà **Nguyễn Thị H** (đã chết); có vợ là **Nguyễn Thị Đ**, có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; Về nhân thân: theo **D** chỉ bản số 6057 lập ngày 15/10/2025 và lý lịch bị can xác định bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – **Công an thành phố H**. Có mặt.

2. Bị hại: cháu **Nguyễn Tuấn P1**, sinh ngày 19/9/2011. Nơi cư trú: 7/192/56 **L, phường P, thành phố Hà Nội**. Vắng mặt.

3. Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Anh **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1980 và chị **Lương Thùy D1**, sinh năm 1979. Nơi cư trú: 7/192/56 **L, phường P, thành phố Hà Nội**. Vắng mặt.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: ông **Nguyễn Văn L1** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Chi nhánh S, Trung tâm trợ giúp**

pháp lý Nhà nước Thành phố H. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có điện thoại sử dụng nên Nguyễn Văn L, sinh năm 1987, trú tại thôn T, xã N, Hà Nội nảy sinh ý định cướp điện thoại người khác để sử dụng. Khoảng 21h00 ngày 11/10/2025, L rời nhà, mặc áo phông đen và quần ngố vàng, đi ra tuyến đường liên thôn T, xã N, Hà Nội để tìm đối tượng cướp tài sản. L nhặt một đoạn cành cây khô dài khoảng 60 cm làm hung khí. Đúng lúc này cháu Nguyễn Tuấn P1, sinh ngày 19/9/2011, trú tại 7/192/56 L, phường P, TP Hà Nội cùng với cháu Bùi Sỹ Hải Đ1, sinh ngày 21/02/2011 (cùng trú tại thôn T, xã P, Hà Nội) đi xe đạp điện theo đường QL2, từ thôn T về thôn P đi đến. Khi thấy hai cháu Nguyễn Tuấn P1 và Bùi Sỹ Hải Đ1 đi xe đạp điện đến, L chặn đường, yêu cầu xuống xe và đe dọa “Chúng mày dừng lại, hai thằng có điện thoại không tao mượn”, P1 và Đ1 trả lời “Chúng cháu không có điện thoại” thì L cầm cành cây giơ lên và đe dọa “Tao mà kiểm tra người chúng mày có điện thoại thì tao đánh chết chúng mày”. Do sợ bị đánh nên, P1 đã đưa chiếc điện thoại Redmi 12C của mình cho L, L yêu cầu cháu P1 mở khóa, xóa đăng ký vân tay. Lấy được điện thoại, L về nhà, tháo sim, đặt lại điện thoại để sử dụng. Sau khi bị cướp điện thoại, cháu L và cháu P1 đến công an xã N trình báo sự việc. Ngày 12/10/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra triệu tập L đến làm việc, tạm giữ chiếc điện thoại mà L chiếm đoạt của cháu P1.

Tại cơ quan CSĐT- Công an thành phố H, bị can Nguyễn Văn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* **Vật chứng thu giữ:** 01 đoạn cành cây dài 70 cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KLĐG ngày 29/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên tố tụng hình sự xã S, đã kết luận: Giá trị chiếc điện thoại Redmi màu xanh, trị giá 1.535.000đ

Cáo trạng số 310/CT-VKSĐA ngày 11/3/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 đã Quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội: Cướp tài sản theo Điểm d, e Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Văn L ban đầu không nhận mình có hành vi cướp tài sản, bị cáo chỉ cho rằng bị cáo mượn điện thoại chứ không cướp tài sản. Sau khi được giải thích pháp luật bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Khi được nói lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải và mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người tốt cho xã hội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm d, e Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ Luật Hình sự. *Xử phạt*: bị cáo **Nguyễn Văn L** từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án là 01 đoạn cành cây.

Trả lại 01 chiếc điện thoại cho người bị hại.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo nhưng đề nghị HĐXX xem xét: hành vi xâm hại của bị cáo với các cháu học sinh là rất nguy hiểm, sau khi phạm tội bị cáo, gia đình không ai đến thăm hỏi bị hại, chưa bồi thường cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo với mức án cao hơn mức đề nghị cao nhất của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị và trả lại cho bị hại 01 chiếc điện thoại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi và tội danh của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 21h00 ngày 11/10/2025 tại **thôn T, xã N, Hà Nội**, **Nguyễn Văn L** có hành vi sử dụng hung khí (cành cây khô) đe dọa dùng vũ lực đối với cháu **Nguyễn Tuấn P1** (14 tuổi 0 tháng 22 ngày) để chiếm đoạt của cháu **Nguyễn Tuấn P1** 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi, trị giá 1.535.000đ. Đến ngày 12/10/2025, thì bị cáo bị cơ quan Công an bắt giữ và đã giao nộp lại chiếc điện thoại do phạm tội mà có cùng 01 đoạn cành cây khô. Ngoài ra, quá trình điều tra không chứng minh được bị cáo có lần phạm tội và đồng phạm nào khác.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận **Nguyễn Văn L** đã phạm tội “Cướp tài sản” được quy định tại Điểm d, e Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:...

d) Sử dụng ... phương tiện ... nguy hiểm ...;...

e) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;”...

[2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có không có tiền án, tiền sự.

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi và bị cáo chưa gây thiệt hại gì do vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì tội phạm đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhằm hạn chế các loại tội phạm.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự; căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Khi lượng hình xét bị cáo thành khẩn khai báo ăn, năn hối cải nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không phạt tiền bị cáo.

[4] Về phần dân sự: cháu **Nguyễn Tuấn P1** đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại do bị cáo đã cướp của cháu **P1** và không có yêu cầu gì khác về phần dân sự. Yêu cầu của cháu **P1** là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, xét cháu **P1** là người chưa thành niên nên trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi cho bà **Lương Thùy D1** là người đại diện hợp pháp của cháu **P1** là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ của bị cáo: 01 đoạn cành cây khô là vật chứng vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố và xét xử. Kết luận điều tra của **công an thành phố H**, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 là đúng. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại phần nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, phần nào không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn L** phạm tội: Cướp tài sản.
- Căn cứ vào Điểm d, e Khoản 2 Điều 168; Điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn L** 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

+ Trả cho chị **Lương Thùy D1** 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn cành cây khô

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/02/2026 giữa **Công an thành phố H** và Thi hành **án dân sự thành phố H**).

- Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Văn L** phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- TANDTP Hà Nội; VKSNDTPHN;
- VKSND KV7;
- Công an TP Hà Nội
- THADS TP Hà Nội;
- Sở TP Thành phố Hà Nội;
- UBND xã Nội Bài; **Thịnh Quang Trung**
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**